

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

*ALPHA SEVEN GROUP
JOINT STOCK COMPANY*

Số: 11/2025/CV-A7

No: 11/2025/CV-A7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2025

Ho Chi Minh City, January 26, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - *State Securities Commission of Vietnam*

- *Hanoi Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven**

Organization Name: Alpha Seven Group Joint Stock Company

- Mã chứng khoán: DL1

Stock code: DL1

- Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Lot I3-6 N2 Street, High-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

Contact phone: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

- Email: info@a7group.vn

Website: http://www.a7group.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Content of the Announcement:

- Công ty công bố thông tin Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 4 năm 2024; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2024. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% trở lên đối với báo cáo tài chính Q4 năm 2024.



The Company disclosed the Parent Company's Q4 2024 financial statements and the Consolidated Q4 2024 financial statements. Explanation of difference in after-tax profit changing by 10% or more for the Q4 2024 financial statements.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/01/2025 tại đường dẫn:

This information has been published on the Company's website on January 26, 2025, at the following link:

⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby confirm that the information provided above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm

Attached Document:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2024; Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 4 năm 2024; Giải trình chênh lệch 10% LNST Q4 2024
- *The Company disclosed the Parent Company's Q4 2024 financial statements and the Consolidated Q4 2024 financial statements. Explanation of difference in after-tax profit changing by 10% or more for the Q4 2024 financial statements.*

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Đình Trạc



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Số: 08/2025/CV-A7

• -Mẫu số 01-B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

- Mã chứng khoán: DL1
- Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ Cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.3736.7187 Fax: 028.3736.7187
- Email: info@a7group.vn Website: <https://a7group.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 4 năm 2024
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/01/2025 tại đường dẫn: <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo quý 4 năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:
Không có.

- Nội dung giao dịch:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 4 năm 2024
- Văn bản giải trình chênh lệch 10% LNST.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Đình Trạc



CÔNG TY: CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, KCN, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp Thủ Đức, TpHCM

Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187

Mẫu số B01-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| TÀI SẢN | | | 2,602,332,559,223 | 2,427,205,517,826 |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1,061,178,592,470 | 681,949,610,628 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 151,075,678,413 | 4,214,119,935 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 151,075,678,413 | 4,214,119,935 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 151,520,000,000 | 89,520,000,000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2 | 55,200,000,000 | 93,200,000,000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*) | 122 | V.2 | (3,680,000,000) | (3,680,000,000) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.3 | 100,000,000,000 | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 659,458,543,512 | 559,070,449,499 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.4 | 365,236,463,129 | 266,506,334,421 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.5 | 29,995,184,033 | 98,279,525,141 |
| 3. Phải thu về cho vay hạn | 135 | V.6a | 210,450,576,828 | 176,950,244,737 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.7a | 66,863,934,826 | 17,705,012,637 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.8 | (14,073,058,410) | (672,700,000) |
| 6. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 985,443,106 | 302,032,563 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 88,415,720,046 | 18,446,378,329 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.9 | 118,276,122,587 | 18,446,378,329 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (29,860,402,541) | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10,708,650,499 | 10,698,662,865 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10a | 484,768,645 | 378,674,041 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 10,223,837,571 | 10,319,944,541 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 44,283 | 44,283 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1,541,153,966,753 | 1,745,255,907,198 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 156,765,142,625 | 169,283,600,604 |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.6b | 112,900,000,000 | 125,322,457,980 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.7b | 43,865,142,625 | 43,961,142,624 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 840,802,469,735 | 741,666,479,507 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 736,760,870,479 | 741,379,941,038 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1,823,339,644,571 | 956,803,937,096 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1,086,578,774,092) | (215,423,996,058) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 104,041,599,256 | 286,538,469 |
| - Nguyên giá | 228 | | 403,368,823,694 | 589,565,000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (299,327,224,438) | (303,026,531) |
| | | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.13 | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | 1,891,892,974 | 1,891,892,974 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (1,891,892,974) | (1,891,892,974) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 48,843,637,960 | 61,469,859,704 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.14 | 48,843,637,960 | 61,469,859,704 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 274,647,419,311 | 677,783,730,940 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.15a | 244,952,030,864 | 677,783,730,940 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.15b | 55,462,365,461 | |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (25,766,977,014) | |
| 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 0 | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 220,095,297,122 | 95,052,236,443 |

5.900
CÔN
PHÂN
ALPH.
THỦ ĐỨC

| | | | | |
|--|------------|-------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10b | 59,591,060,927 | 28,963,210,509 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| 4. Lợi thế thương mại | 269 | V.16 | 160,504,236,195 | 66,089,025,934 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 2,602,332,559,223 | 2,427,205,517,826 |
| NGUỒN VỐN | | | 2,602,332,559,223 | 2,427,205,517,826 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1,213,950,399,740 | 1,029,667,399,045 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 485,496,218,591 | 339,263,343,113 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.17 | 112,611,207,273 | 33,032,099,114 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.18 | 31,614,899,936 | 14,323,812,433 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | V.19 | 60,095,742,028 | 2,865,166,597 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 30,557,695,400 | 3,398,799,176 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.20 | 71,289,064,526 | 63,837,563,144 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.21a | 12,574,259,156 | 4,486,027,282 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.22a | 166,118,681,205 | 216,685,206,300 |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 634,669,067 | 634,669,067 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 728,454,181,149 | 690,404,055,932 |
| 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | - |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.21b | 14,814,559,317 | 14,034,302,892 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.22b | 711,632,253,040 | 676,369,753,040 |
| 4. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 2,007,368,792 | |
| 6. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1,388,382,159,483 | 1,397,538,118,781 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.23 | 1,388,382,159,483 | 1,397,538,118,781 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1,062,360,940,000 | 1,062,360,940,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1,062,360,940,000 | 1,062,360,940,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1,060,719,308 | 1,049,485,820 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 0 | |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 19,769,389,903 | |
| 6. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 663,498,805 | 663,498,805 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 98,891,718,068 | 163,466,413,767 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 97,496,086,878 | 121,278,789,893 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 1,395,631,190 | 42,187,623,874 |
| 8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | 205,635,893,399 | 169,997,780,389 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400) | 440 | | 2,602,332,559,223 | 2,427,205,517,826 |

Người Lập



Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trưởng



Hà Thị Phương oanh

Ngày 26 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc

CÔNG TY: CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, KCN, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp Thủ Đức, TpHCM

Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187

Mẫu số B02-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2024

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Quý IV | | Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 305,774,594,215 | 68,479,744,547 | 547,959,392,195 | 281,272,879,044 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 4818 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 305,774,589,397 | 68,479,744,547 | 547,959,392,195 | 281,272,879,044 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 240,595,954,465 | 41,981,554,428 | 355,274,776,706 | 143,361,920,645 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 65,178,634,932 | 26,498,190,119 | 192,684,615,489 | 137,910,958,399 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 15,921,329,409 | 20,966,398,735 | 25,896,174,849 | 71,445,902,439 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 81,225,245,187 | 43,634,771,414 | 129,080,503,552 | 128,872,791,447 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 25,251,784,324 | 23,634,771,414 | 71,983,488,113 | 105,462,046,335 |
| 8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, I.doanh | 24 | | 6,171,147,458 | 5,220,879,545 | 24,148,747,696 | 20,465,184,444 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 4,651,263,696 | 315,804,657 | 5,661,425,776 | 1,272,553,559 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 48,752,165,406 | 5,511,373,475 | 67,869,678,639 | 29,193,312,660 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (47,357,562,490) | 3,223,518,853 | 40,117,930,067 | 70,483,387,616 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | (1,887,304,740) | 1,273,039,418 | (1,688,016,543) | 1,377,185,376 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 2,837,382 | 3,315,769 | 133,186,499 | 79,300,582 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (1,890,142,122) | 1,269,723,649 | (1,821,203,042) | 1,297,884,794 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (49,247,704,612) | 4,493,242,502 | 38,296,727,025 | 71,781,272,410 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | V.19 | 2,992,969,423 | (604,659,273) | 5,161,816,704 | 1,211,691,668 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (52,240,674,035) | 5,097,901,775 | 33,134,910,321 | 70,569,580,742 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | | (52,030,991,441) | 528,615,131 | 1,395,631,190 | 42,187,623,874 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (209,682,594) | 4,569,286,644 | 31,739,279,131 | 28,381,956,868 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | (489) | 5 | 13 | 397 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | (489) | 5 | 13 | 397 |

Người Lập

Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trưởng

Hà Thị Phương oanh

Ngày 01 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - PPGT
 Quý IV năm 2024

| Chi tiêu | Mã chi tiêu | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay) | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước) |
|--|-------------|-------------|---|---|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | 0 | 0 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 38,296,727,025 | 71,781,272,410 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | 97,232,005,532 | 77,302,326,312 |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | 51,144,692,268 | 59,031,716,508 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | 3,665,824,402 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 0 | 0 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (25,896,174,849) | (90,857,260,933) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 71,983,488,113 | 105,462,046,335 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 135,528,732,557 | 149,083,598,722 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (86,052,335,533) | (348,538,635,807) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (99,829,744,258) | 3,845,337,422 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 313,231,674,784 | 35,005,952,936 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (30,733,945,022) | 2,157,163,356 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | (38,000,000,000) | 206,800,000,000 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (114,742,780,650) | (80,921,363,868) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (5,373,180,048) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | | |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 79,401,601,878 | (37,941,127,287) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | 0 | 0 |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (64,567,367,305) | (11,150,361,192) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | 1,070,000,000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (454,842,505,000) | 468,248,429,914 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 139,955,270,192 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | 377,109,300,314 | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 84,508,833,473 | 195,108,510,068 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 82,163,531,674 | 653,276,578,790 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | 0 |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | 0 |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 369,208,771,711 | 382,371,958,881 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (383,912,346,785) | (1,009,005,283,281) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (14,703,575,074) | (626,633,324,400) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 146,861,558,478 | (11,297,872,897) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 4,214,119,935 | 15,511,992,832 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | V.1 | 151,075,678,413 | 4,214,119,935 |

Người Lập



Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trưởng



Hà Thị Phương oanh

Ngày 13 tháng 01 năm 2025
 Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là "Công ty") và 03 Công ty con cùng 01 Công ty liên kết (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Mua bán đá, phân bón, nông sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán điện năng lượng mặt trời thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình thủy;
- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất linh kiện điện tử.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngành Giao thông vận tải phụ thuộc việc này tác động rất lớn đến nhu cầu đi lại của người dân làm ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hành khách của Công ty. Do đó, doanh thu vận chuyển khách hàng tăng so với cùng kỳ.

6. Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất**6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất**

Tổng số công ty con tại ngày 31/12/2024: 03 công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 03 công ty

Công ty con

| Tên công ty | Ngành nghề kinh doanh chính | Tại ngày cuối kỳ | | | Tại ngày đầu năm | | |
|--|---|------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------------|------------------|
| | | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ góp vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ bản sở hữu |
| 1. Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử. | 100,0% | 100,0% | 100,0% | 100,0% | 100,0% | 100,0% |
| 2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận | Sản xuất kinh doanh điện năng lượng mặt trời | 50,0% | 50,0% | 50,0% | 50,0% | 50,0% | 50,0% |
| 3. Công Ty Mass Noble Investment Limited | Sản xuất linh kiện thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao | 97,73% | 97,73% | 97,73% | - | - | - |

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2024: 01 Công ty

- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất (theo phương pháp vốn chủ sở hữu): 01 Công ty

Các Công ty liên kết

| Tên công ty | Ngành nghề kinh doanh chính | Tại ngày cuối kỳ | | | Tại ngày đầu năm | | |
|--|---|------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------------|------------------|
| | | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ góp vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ bản sở hữu |
| 1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long | Bất động sản | - | - | - | 49,0% | 49,0% | 49,0% |
| 3. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đăk Nông | Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ | 29,0% | 29,0% | 29,0% | 29,0% | 29,0% | 29,0% |

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 189 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 190 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo bán niên quý 4 năm 2024 của Công ty từ ngày 01 tháng 01 và ngày 31 tháng 12..

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con
Công ty con

Công ty con là các đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 49% quyền biểu quyết ở đơn vị đó.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên

Chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ:

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo của công ty mẹ, các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính được quy đổi theo các loại tỷ giá như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ;

- Giá trị tài sản thuần của Công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;

- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

- Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0.2% thì được áp dụng tỷ giá mua- bán bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc;

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (hợp nhất);

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chi tiêu :Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chi tiêu :Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (Hợp nhất).

Công ty giao dịch thường xuyên với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV) nên Công ty đã sử dụng tỷ giá hối đoái do BIDV công bố để chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết các tỷ giá đã sử dụng để chuyển đổi:

Tỷ giá mua thực tế tại ngày 31/12/2024 : 3.239 VND/HKD;

Tỷ giá bán thực tế tại ngày 31/12/2024: 3.317 VND/HKD;

Tỷ giá bình quân kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 : 3.212 VND/HKD.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang HKD theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản và nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tài khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Tập đoàn đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 48 |
| Máy móc và thiết bị | 10 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 4,5 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05-08 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 |

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Tập đoàn hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa (Bán đá, phân bón, linh kiện điện tử)

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Dịch vụ bến bãi, vận chuyển ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

004
CỘNG HÒA
PH
ĐỨC

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| Chi tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--------------------|------------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 956.328.763 | 1.442.176.428 |
| Tiền gửi ngân hàng | 150.119.349.650 | 2.771.943.507 |
| Tổng cộng | 151.075.678.413 | 4.214.119.935 |

2. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | 55.200.000.000 | 51.520.000.000 | (3.680.000.000) | 93.200.000.000 | 89.520.000.000 | (3.680.000.000) |
| - Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai ⁽¹⁾ | 55.200.000.000 | 51.520.000.000 | (3.680.000.000) | 55.200.000.000 | 51.520.000.000 | (3.680.000.000) |
| - Công ty TNHH SX-TMDV Đồng Phú Hưng ⁽²⁾ | - | - | - | 38.000.000.000 | 38.000.000.000 | - |
| Cộng | 55.200.000.000 | 51.520.000.000 | (3.680.000.000) | 93.200.000.000 | 89.520.000.000 | (3.680.000.000) |

(1) Là khoản đầu vào Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/NQ-HĐQT-A7 ngày 23/09/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(2) Là khoản đầu vào Công Ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng theo biên bản họp HĐQT số 01BBH-DLGANSEN ngày 23/09/2023.

3. Đầu tư tài chính ngắn hạn

| Chi tiết | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|-----------------------------------|------------------------|------------|
| - Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 năm | 100.000.000.000 | 0 |
| Cộng | 100.000.000.000 | 0 |

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan | 34.493.761.321 | 550.000.000 |
| - Ông Bùi Minh Đức | - | 550.000.000 |
| - SKYWORTH OVERSEAS SALES LTD | 34.493.761.321 | - |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 330.742.701.807 | 265.956.334.421 |
| - Công Ty Mua Bán Điện- Tập Đoàn Điện Lực VN | 20.893.616.562 | 34.801.987.261 |
| Whirlpool Corporation | 11.884.584.146 | - |
| Whirlpool Overseas Manufacturing, S.a.r.l | 5.711.918.198 | - |
| Church & Dwight Co., Inc. | 24.395.030.545 | - |
| Azad International (HK) Ltd. | 18.889.919.258 | - |
| - Ông Nguyễn Đức Toàn | 210.000.000.000 | - |
| - Ông Huỳnh Thái Quốc | - | 114.240.000.000 |
| - Bà Võ Thị Thu Hằng | - | 114.240.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 38.967.633.098 | 2.674.347.160 |
| Cộng | 365.236.463.128 | 266.506.334.421 |

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | 24.938.145.190 | 95.381.714.101 |
| - Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | 23.909.089 | 522.200.000 |
| - Ansen Electronics Company | 20.809.514.101 | 20.809.514.101 |
| - Công ty Cp Đầu tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai | 4.104.722.000 | 74.050.000.000 |
| Trả trước cho người bán khác | 5.057.038.843 | 2.897.811.040 |
| - Các đối tượng khác | 5.057.038.843 | 2.897.811.040 |
| Cộng | 29.995.184.033 | 98.279.525.141 |

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn**6a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|----------------|----------------|----------------|
| Giá gốc | Giá gốc | Giá gốc |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|---|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá gốc |
| Phải thu các bên liên quan | 17.100.000.000 | 87.100.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Vạn Gia Long | 17.100.000.000 | 87.100.000.000 |
| Phải thu tổ chức, cá nhân khác | 193.350.576.828 | 89.850.244.737 |
| - Công Ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| - Hồ Thị Thu (*) | 38.698.221.824 | - |
| - Trần Thị Quỳnh (*) | 18.679.700.000 | 31.793.000.000 |
| Mai Xuân Bình (*) | 90.972.655.004 | - |
| Phạm Thị Thanh Loan(*) | - | 9.377.239.237 |
| Các đối tượng khác | - | 3.680.005.500 |
| Cộng | 210.450.576.828 | 176.950.244.737 |

(*) Cho các cá nhân, Công ty mượn tiền theo các hợp đồng cụ thể, thời gian cho mượn 12 tháng

6b. Phải thu về cho vay dài hạn

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 112.900.000.000 | 112.900.000.000 |
| Công ty CP Đầu Tư – Xây Dựng Vạn Gia Long | 112.900.000.000 | 112.900.000.000 |
| Phải thu tổ chức, cá nhân khác | - | 12.422.457.980 |
| - Phạm Thị Hiền | - | 9.650.000.000 |
| - Đối tượng khác | - | 2.772.457.980 |
| Cộng | 112.900.000.000 | 125.322.457.980 |

(**) Cho vay theo sổ hợp đồng cụ thể, thời gian 36 đến 48 tháng

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**7a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | 31/12/2024 | | 31/12/2023 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu bên liên quan | 36.946.117.312 | - | 11.152.060.274 | - |
| Công ty CP Đầu Tư- Xây Dựng Vạn Gia Long | 16.103.358.902 | | 11.152.060.274 | |
| Công ty CP Đầu Tư- Xây Dựng Đức Long Gia Lai | 62.400.000 | | - | |
| Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông | 7.380.000.000 | | | |
| Ansen Electronics Factory | 13.400.358.410 | | | |
| Phải thu cá nhân, tổ chức khác | 29.917.817.514 | 0 | 6.552.952.363 | |
| Công Ty CP Tri Việt Hội An (ký quỹ) | 10.000.000.000 | | - | |
| Lãi cho vay phải thu | 5.869.740.801 | 0 | 4.224.305.868 | |
| Tạm ứng nhân viên | 4.015.183.500 | | 231.764.800 | |
| c khoản phải thu khác | 10.032.893.109 | | 2.096.881.695 | |
| Cộng | 66.863.934.826 | 0 | 17.705.012.637 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
 Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7b Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu bên liên quan | 43.865.142.625 | - | 43.961.142.624 | - |
| - Công ty CP Đầu Tư- Xây Dựng Vạn Gia Long | 41.800.767.124 | - | 41.896.767.123 | - |
| - Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ) | 2.064.375.501 | - | 2.064.375.501 | - |
| Phải thu các bên khác | | - | - | - |
| Cộng | 43.865.142.625 | - | 43.961.142.624 | - |

8. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|------------------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các bên liên quan | | - | - | | - | - |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 56.799.523.893 | 42.726.465.483 | | 1.416.000.000 | 743.300.000 |
| - Công Ty TNHH TM DV Hùng Nhân | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.383.000.000 | 710.300.000 | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 1.416.000.000 | 743.300.000 |
| Đối tượng khác | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 55.416.523.893 | 42.016.165.483 | | | |
| Cộng | | 1.383.000.000 | 710.300.000 | | 1.416.000.000 | 743.300.000 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | (672.700.000) | (672.700.000) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (13.400.358.410) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | (14.073.058.410) | (672.700.000) |

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2024 | | 31/12/2023 | |
|--|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾ | 34.605.649.612 | - | 7.926.737.420 | - |
| - Công cụ dụng cụ | 557.330.671 | - | 2.770.120.695 | - |
| - Thành phẩm ⁽²⁾ | 38.197.841.183 | - | 7.610.501.413 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 44.915.301.121 | - | 139.018.801 | - |
| Cộng | 118.276.122.587 | - | 18.446.378.329 | - |

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là các vật tư dùng sản xuất các linh kiện điện tử.

⁽²⁾ Thành phẩm chủ yếu là các linh kiện điện tử các loại.

10. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| Tình hình biến động: | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|--------------------|--------------------|
| - Số đầu năm | 378.674.041 | 452.972.565 |
| - Tăng trong năm | 3.923.492.681 | 3.085.920.846 |
| - Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm | | |
| - Phân bổ trong năm | (3.817.398.077) | (3.160.219.370) |
| Cộng | 484.768.645 | 378.674.041 |

| Chi tiết số dư: | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| - Công cụ, dụng cụ | 111.524.007 | 322.562.219 |
| - Chi phí khác | 373.244.638 | 56.111.822 |
| Cộng | 484.768.645 | 378.674.041 |

10b Chi phí trả trước dài hạn

| Tình hình biến động: | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Số đầu năm | 28.963.210.509 | 31.046.075.341 |
| - Tăng trong năm | 33.544.129.508 | 1.959.925.482 |
| - Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm | | - |
| - Phân bổ trong năm | (2.916.279.090) | (4.042.790.314) |
| Cộng | 59.591.060.927 | 28.963.210.509 |

| Chi tiết số dư: | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Công cụ, dụng cụ | 579.730.962 | 521.389.457 |
| - Chi phí sửa chữa tài sản | 378.846.133 | 807.516.601 |
| - Chi phí giải phóng mặt bằng | 25.407.393.020 | 27.405.727.302 |
| - Thuê đất và nhà | 32.394.552.062 | - |
| - Chi phí khác | 830.538.750 | 228.577.149 |
| Cộng | 59.591.060.927 | 28.963.210.509 |

11. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-------------|
| Nguyên giá | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | | | | | |
|--|------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm (01/01/2024) | 96.426.218.691 | 851.472.800.702 | 4.634.633.809 | 4.270.283.894 | 956.803.937.096 |
| Tăng trong năm | 40.984.093.796 | 1.432.735.518 | - | - | 42.416.829.314 |
| Tăng do hợp nhất | 29.161.235.240 | 679.637.709.753 | 8.304.979.781 | 108.020.383.949 | 825.124.308.723 |
| Giảm trong năm | - | (184.382.945) | (821.047.617) | - | (1.005.430.562) |
| Số cuối kỳ (31/12/2024) | 166.571.547.727 | 1.532.358.863.028 | 12.118.565.973 | 112.290.667.843 | 1.823.339.644.571 |
| <i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>10.762.722.342</i> | <i>20.924.395.135</i> | <i>5.828.322.602</i> | <i>2.484.351.570</i> | <i>39.999.791.649</i> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số đầu năm (01/01/2024) | 32.325.970.079 | 177.735.675.589 | 3.758.348.189 | 1.604.002.201 | 215.423.996.058 |
| Khấu hao trong năm | 2.164.727.077 | 48.161.777.975 | 340.342.471 | 477.844.745 | 51.144.692.268 |
| Tăng do hợp nhất | 29.645.886.810 | 676.009.759.556 | 8.304.979.781 | 106.872.952.457 | 820.833.578.604 |
| Giảm trong năm | (2.445.221) | - | (821.047.617) | - | (823.492.838) |
| Số cuối kỳ (31/12/2024) | 64.134.138.745 | 901.907.213.120 | 11.582.622.824 | 109.954.799.403 | 1.086.578.774.092 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm (01/01/2024) | 64.100.248.612 | 673.737.125.113 | 876.285.620 | 2.666.281.693 | 741.379.941.038 |
| Số cuối kỳ (31/12/2024) | 102.437.408.982 | 630.451.649.908 | 535.943.149 | 3.335.868.440 | 736.760.870.479 |

12. Tài sản cố định vô hình

| Chỉ tiêu | Phần mềm vi tính | Quyền sử dụng đất | Chi phí triển khai | Tổng cộng |
|--|--------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| I. Nguyên giá | | | | |
| 1. Số dư đầu năm 01/01/2024 | 589.565.000 | | | 589.565.000 |
| 2. Tăng trong năm | 151.697.941 | | | 151.697.941 |
| Tăng do hợp nhất | | | 316.627.560.753 | 316.627.560.753 |
| - Tăng do mua mới | 151.697.941 | 86.000.000.000 | | 86.151.697.941 |
| 3. Giảm trong năm | - | | | - |
| 4. Số dư cuối kỳ 31/12/2024 | 741.262.941 | 86.000.000.000 | 316.627.560.753 | 403.368.823.694 |
| <i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>58.625.000</i> | | | <i>58.625.000</i> |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| 1. Số dư đầu năm 01/01/2024 | 303.026.531 | | | 303.026.531 |
| 2. Tăng trong năm | 72.372.086 | 74.629.629 | 298.877.196.192 | 299.024.197.907 |
| - Khấu hao trong năm | 72.372.086 | 74.629.629 | | 147.001.715 |
| - Tăng do hợp nhất | - | | 298.877.196.192 | 298.877.196.192 |
| 3. Giảm trong năm | - | | | - |
| 4. Số dư cuối kỳ 31/12/2024 | 375.398.617 | 74.629.629 | 298.877.196.192 | 299.327.224.438 |
| III. Giá trị còn lại | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm 01/01/2024 | 286.538.469 | | | 286.538.469 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ 31/12/2024 | 365.864.324 | 85.925.370.371 | 17.750.364.561 | 104.041.599.256 |

00
 CÔNG
 TÂN
 PH.
 00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13. Bất động sản đầu tư

| Chỉ tiêu | Cơ sở hạ tầng (*) | Tổng cộng |
|--|----------------------|----------------------|
| I. Nguyên giá | | |
| 1. Số dư đầu năm | 1.891.892.974 | 1.891.892.974 |
| 2. Tăng trong năm | - | - |
| - Tăng do mua mới | - | - |
| 3. Giảm trong năm | - | - |
| 4. Số dư cuối kỳ | 1.891.892.974 | 1.891.892.974 |
| <i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>1.891.892.974</i> | <i>1.891.892.974</i> |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| 1. Số dư đầu năm | 1.891.892.974 | 1.765.993.011 |
| 2. Tăng trong năm | - | - |
| - Khấu hao trong năm | - | - |
| 3. Giảm trong năm | - | - |
| 4. Số dư cuối kỳ | 1.891.892.974 | 1.891.892.974 |
| III. Giá trị còn lại | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | - | - |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | - | - |

(*) Là các ki ốt bán hàng của Công ty đang cho thuê.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Giảm khác | Số cuối kỳ |
|---|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | | |
| - Quyền sử dụng đất 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh (*) | 60.000.000.000 | 48.000.000.000 | 60.000.000.000 | - | 48.000.000.000 |
| * Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tòa nhà Nguyễn Hữu Cảnh | 1.469.859.704 | 18.981.482 | 645.203.226 | | 843.637.960 |
| Cộng | 61.469.859.704 | 48.018.981.482 | 645.203.226 | - | 48.843.637.960 |

Là Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh đang trong quá trình xây dựng, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 003781 vào tháng 10 năm 2021 giữa Bà Trần Thị Lan Phương với Công ty. Giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà và sử dụng đất ở tại số 97/2 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

(**) Là Quyền sử dụng đất tại số 97/4 Nguyễn Hữu Cảnh đang, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 12033 vào ngày 07 tháng 07 năm 2024 giữa Ông Trần Văn Chín, Bà Lê Thị Kiều Thủy với Công ty. Giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà và sử dụng đất ở tại số 97/4 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15. Đầu tư tài chính dài hạn**15.a Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh*

| Tên công ty | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------|------------------------|----------------|------------------------|
| | | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá gốc | Tỷ lệ sở hữu % | Giá gốc |
| - Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long ⁽¹⁾ | Bất động sản | - | - | 49% | 447.578.934.010 |
| | Quản lý khai thác trạm | | | | |
| - Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông ⁽²⁾ | thu phí đường bộ | 29% | 201.187.500.000 | 29% | 201.187.500.000 |
| Cộng | | | 201.187.500.000 | | 648.766.434.010 |

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long và Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông để Thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp này. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

⁽²⁾ Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ như sau:

| | Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long | Công ty CP BOT&BT Đức Long Đăk Nông | Cộng |
|---|------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| Giá trị đầu tư | | | |
| -Số đầu năm | 447.578.934.010 | 201.187.500.000 | 648.766.434.010 |
| -Tăng giá trị đầu tư | | | |
| Giảm giá trị đầu tư | (447.578.934.010) | - | (447.578.934.010) |
| + Do nhận cổ tức của giai đoạn trước ngày đầu tư | | | |
| -Số cuối kỳ | - | 201.187.500.000 | 201.187.500.000 |
| Phần luy kế lãi/(lỗ) lợi nhuận sau khi mua: | | | |
| -Số đầu năm | 701.513.762 | 28.315.783.168 | 29.017.296.930 |
| -Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh năm nay | - | 24.148.747.696 | 24.148.747.696 |
| - Ghi nhận giảm phần lãi thoái vốn | (701.513.762) | - | (701.513.762) |
| - Loại trừ hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu về cổ tức nhận được trong năm | | (8.700.000.000) | (8.700.000.000) |
| -Số cuối kỳ | - | 43.764.530.864 | 43.764.530.864 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | | | |
|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá trị ghi sổ | | | |
| Số đầu năm | 448.280.447.772 | 229.503.283.168 | 677.783.730.940 |
| Số cuối kỳ | - | 244.952.030.864 | 244.952.030.864 |

15.b Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|-------------------------|---------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-------------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý(*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý(*) | Dự phòng |
| - Đầu tư tài chính khác | 55.462.365.461 (#17.123.299,00HKD) | 29.695.388.447 | (25.766.977.014) | - | - | - |
| Cộng | 55.462.365.461 | 29.695.388.447 | (25.766.977.014) | | | |

16. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con

| | Số đầu năm | Tăng Hợp nhất | Phân bổ trong năm | Số cuối kỳ |
|--|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| - Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (thời gian phân bổ: 10 năm) | 525.458.235 | - | (66.373.672) | 459.084.563 |
| Công ty CP Điện Mặt Trời Ninh Thuận | 65.563.567.699 | - | (8.195.445.962) | 57.368.121.737 |
| Công ty TNHH Mass Noble Investments | | 105.549.340.865 | (2.872.210.970) | 102.677.029.895 |
| Cộng | 66.089.025.934 | 105.549.340.865 | (11.134.130.604) | 160.504.236.195 |

17. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan | 7.351.339.461 | 8.689.622.253 |
| - Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | 3.960.030.000 | 2.701.600.000 |
| - Ansen Electronics Company | 3.391.309.461 | 5.988.022.253 |
| Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác | 105.259.867.812 | 24.342.476.861 |
| - Công ty TNHH CNS Amura Precision | 10.552.758.472 | 10.905.963.563 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | | |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| - Công Ty TNHH Nhựa kỹ thuật Sakura | - | 1.059.624.582 |
| - Shenxhen Chuangwei-RGB Electronics | 42.160.943.213 | - |
| Hung Fai Industrial Technology Ltd | 6.305.544.026 | |
| 東莞市科純電子有限公司 | 3.188.671.904 | |
| 東莞市銘磁電子有限公司 | 5.413.742.040 | |
| - Các đối tượng khác | 37.638.208.157 | 12.376.888.716 |
| Cộng | 112.611.207.273 | 33.032.099.114 |

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i> | <i>25.732.246.915</i> | <i>13.785.697.805</i> |
| - Ansen Electronics Company | 25.708.337.826 | 13.785.697.805 |
| - Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | 23.909.089 | - |
| <i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i> | <i>5.882.653.021</i> | <i>538.114.628</i> |
| - Đối tượng khác | 5.882.653.021 | 538.114.628 |
| Cộng | 31.614.899.936 | 14.323.812.433 |

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> | | |
|-------------|-------------------|----------|-------------------------------|--|-------------------|----------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số phải nộp tăng/(giảm) từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| - Thuế GTGT | 657.376.106 | - | 15.183.182.280 | - | (15.840.558.386) | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | | | | | | | |
|-------------------------------|----------------------|---------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|---------------|
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | 4.026 | 60.437.152 | | (60.437.152) | | 4.026 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.245.471.312 | - | 5.161.816.704 | 52.982.228.905 | (237.139.680) | 59.152.377.241 | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 111.392.338 | - | 841.799.046 | - | (775.112.197) | 178.079.187 | - |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 850.926.841 | - | 1.137.285.599 | - | (1.222.926.840) | 765.285.600 | - |
| - Phí, lệ phí, phải nộp khác | - | - | 185.522.612 | | (185.522.612) | - | - |
| - Thuế xuất nhập khẩu | | 40.257 | 38.015.400 | | (38.015.400) | | 40.257 |
| Cộng | 2.865.166.597 | 44.283 | 22.608.058.793 | 52.982.228.905 | (18.359.712.267) | 60.095.742.028 | 44.283 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm-2024 | Năm-2023 |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 38.296.727.025 | 59.262.015.621 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 20.307.016.971 | 5.065.200.875 |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ | 9.172.886.367 | 934.291.058 |
| + Phân bổ lợi thế thương mại | 11.134.130.604 | 4.130.909.817 |
| + Lỗ từ việc thoái vốn công ty con thể hiện trên báo cáo hợp nhất | | - |
| + Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu | - | |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (13.959.699.314) | (11.111.644.921) |
| + Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết | (24.148.747.696)) | (11.111.644.921) |
| + Phần lãi trong công ty con | 10.189.048.382 | - |
| Thu nhập chịu thuế | 44.644.044.682 | 53.215.571.575 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | (45.910.814.842) |
| Thu nhập tính thuế | 44.644.044.682 | 7.304.756.733 |
| Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10% | 37.669.922.232 | 1.633.482.980 |
| Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20% | 6.974.122.362 | 5.671.273.753 |
| Thuế TNDN phải nộp theo thu nhập tính thuế | 5.161.816.704 | 1.297.603.048 |
| Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp | 5.161.816.704 | 1.297.603.048 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Lãi vay | 2.626.847.977 | 49.740.682.467 |
| - Chi phí thuê nhà xưởng | 61.243.127.653 | 7.100.000.000 |
| - Chi phí quản lý vận hành đường dây truyền tải điện | 7.419.088.896 | 6.996.880.677 |
| Cộng | 71.289.064.526 | 63.837.563.144 |

21. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**21a Phải trả ngắn hạn khác**

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|--|-----------------------|----------------------|
| - Lãi vay phải trả cho các bên liên quan | - | - |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 10.025.320.889 | 191.709.000 |
| - KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN phải nộp | 42.005.392 | 65.259.770 |
| - Phải trả khác | 2.506.932.875 | 4.229.058.512 |
| Cộng | 12.574.259.156 | 4.486.027.282 |

21b Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 13.834.302.892 | 13.834.302.892 |
| Công ty TNHH Mass Noble Investments | 13.834.302.892 | 13.834.302.892 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 980.256.425 | 200.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 980.256.425 | 200.000.000 |
| Cộng | 14.814.559.317 | 14.034.302.892 |

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn*Tình hình biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn như sau:*

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay tăng/(giảm) từ hợp nhất | Số tiền vay phát sinh tăng do chênh lệch tỷ giá | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối kỳ |
|-----------------------------|------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|---|------------------------------|------------------------|
| - Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Ngân hàng, tổ chức, cá nhân | 893.054.959.340 | 275.364.296.985 | - | - | (290.668.322.080) | 877.750.934.245 |
| - Phát hành trái phiếu | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 893.054.959.340 | 275.364.296.985 | - | - | (290.668.322.080) | 877.750.934.245 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 77.450.000.000 | 77.450.000.000 | - | - |
| - Nguyễn Thanh Lâm | 77.450.000.000 | 77.450.000.000 | - | - |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 128.135.206.300 | 128.135.206.300 | 166.118.681.205 | 166.118.681.205 |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽²⁾ | 61.894.921.000 | 61.894.921.000 | - | - |
| - Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt nam- CN Sài Gòn ⁽¹⁾ | - | - | 65.943.824.000 | 65.943.824.000 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức (USD) ⁽²⁾ | 48.240.285.320 (#1.975.037,27) | 48.240.285.320 (#1.975.037,27) | 50.174.857.205 (#1.978.705,2) | 50.174.857.205 (#1.978.705,2) |
| - Công ty CP tư vấn Đầu tư Hướng Việt ⁽⁴⁾ | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 | - | - |
| - Hồ Thị Mỹ Trinh ⁽⁴⁾ | 8.999.999.980 | 8.999.999.980 | - | - |
| - Ngân Hàng TMCP Á Châu ⁽⁵⁾ | - | - | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 11.100.000.000 | 11.100.000.000 | - | - |
| - Võ Thị Thu Hằng | 11.100.000.000 | 11.100.000.000 | - | - |
| Cộng | 216.685.206.300 | 216.685.206.300 | 166.118.681.205 | 166.118.681.205 |

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng số 1401LAV240046293 ngày 29/05/2024, Hợp đồng số 1401LAV240062948 ngày 28/06/2024; Khế ước nhận nợ số 1401LDS240001032 ngày 29/05/2024

- Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay;

- Thời hạn vay được ghi nhận trong từng Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng;

- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;

- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được đảm bảo theo Hợp đồng đảm bảo số 1401HĐBĐ202411111 ngày 29/05/2024 và Hợp đồng đảm bảo số 1401HĐBĐ202400001 ngày 28/06/2024.

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức theo Hợp đồng vay số 047/2021-HDCVHM/NHCT947-ANSEN ngày 23/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 012/2021-HDCV-SĐBS01/NHCT947-ANSEN ngày 30/09/2021:

- Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay;

- Thời hạn vay được ghi nhận trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;

- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;

- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 154/2021/HĐBĐ/NHCT947 ngày 21/06/2021.

Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Á Châu - ACB CN Ba Tháng Hai -HCM theo Hợp đồng số KHO.DN1105 090924 ngày 09/09/2024; Hợp đồng thế chấp số KHO.BĐ DN77.090924 ngày 09/09/2024, giấy nhận nợ ngày 10/09/2024, 16/10/2024, 28/10/2024;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác</i> | 711.632.253.040 | 711.632.253.040 | 676.369.753.040 | 676.369.753.040 |
| Ngân Hàng Phương Đông ^(*) | 662.564.503.040 | 662.564.503.040 | 621.524.703.040 | 621.524.703.040 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức | 49.067.750.000 | 49.067.750.000 | 54.845.050.000 | 54.845.050.000 |
| Cộng | 711.632.253.040 | 711.632.253.040 | 676.369.753.040 | 676.369.753.040 |

^(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00009/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019 và Hợp đồng tín dụng số 00010/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất từng khế ước nhận nợ

23. Vốn chủ sở hữu**23a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ^(*) | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|--|-------------------|
| Số dư đầu năm trước (01/01/2023) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 121.278.789.893 | 1.185.352.714.518 |
| Tăng trong năm | - | - | - | 42.187.623.874 | 42.187.623.874 |
| <i>Tăng từ kết quả kinh doanh</i> | - | - | - | 42.187.623.874 | 42.187.623.874 |
| <i>Tăng khác</i> | | | | | |
| Giảm trong năm | | | | - | - |
| <i>Phân chia cổ tức bằng cổ phiếu</i> | | | | - | - |
| Số dư cuối năm trước (31/12/2023) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 163.466.413.767 | 1.227.540.338.392 |
| Số dư đầu năm nay (01/01/2024) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 163.466.413.767 | 1.227.540.338.392 |
| Tăng trong năm này | - | - | - | 1.395.631.190 | 1.395.631.190 |
| <i>Tăng từ kết quả kinh doanh</i> | - | - | - | 1.395.631.190 | 1.395.631.190 |
| Giảm trong năm này | - | - | - | (65.970.326.889) | (65.970.326.889) |
| Số dư cuối kỳ (31/12/2024) | 1.062.360.940.000 | 1.049.485.820 | 663.498.805 | 98.891.718.068 | 1.162.965.642.693 |

22b Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|---------|-----------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | | |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| + Vốn góp đầu năm | 1.062.360.940.000 | 1.062.360.940.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 1.062.360.940.000 | 1.062.360.940.000 |

22c Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 106.236.094 | 106.236.094 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 106.236.094 | 106.236.094 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | | |
|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Chi tiết gồm: | <u>Quý 4-2024</u> | <u>Quý 4-2023</u> |
| - Doanh thu bán linh kiện điện tử | 266.337.539.723 | 31.179.437.203 |
| - Doanh thu vận chuyển | 962.073.610 | 40.406.364 |
| - Doanh thu bến bãi | 3.363.539.669 | 3.071.462.634 |
| - Doanh thu bán điện mặt trời | 35.111.441.213 | 34.178.438.346 |
| Cộng | <u>305.774.594.215</u> | <u>68.479.744.547</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | | |
|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Chi tiết gồm: | <u>Quý 4-2024</u> | <u>Quý 4-2023</u> |
| - Giá vốn bán linh kiện điện tử | 223.440.357.795 | 26.850.470.974 |
| - Giá vốn vận chuyển | 133.175.258 | 105.335.556 |
| - Giá vốn bến bãi | 1.522.609.104 | 762.288.620 |
| - Giá vốn bán điện mặt trời | 15.499.812.308 | 14.263.459.278 |
| Cộng | <u>240.595.954.465</u> | <u>41.981.554.428</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | | |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi tiết gồm: | <u>Quý 4-2024</u> | <u>Quý 4-2023</u> |
| - Lãi tiền gửi và lãi cho vay | 9.602.673.977 | 20.803.048.974 |
| - Doanh thu tài chính khác | 6.318.655.432 | 163.349.761 |
| Cộng | <u>15.921.329.409</u> | <u>20.966.398.735</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:

- Chi phí lãi vay

Quý 4 -2024**Quý 4-2023**

25.251.784.324

22.790.301.771

- Chi phí thanh lý khoản đầu tư tài chính

55.973.460.863

20.844.469.643

Cộng**81.225.245.187****43.634.771.414****5. Chi phí bán hàng**

Chi tiết gồm:

- Chi phí nhân công

Quý 4 -2024**Quý 4-2023**

152.930.768

98.192.307

- Các chi phí bán hàng khác

4.498.332.928

217.612.350

Cộng**4.651.263.696****315.804.657****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý

Quý 4 -2024**Quý 4-2023**

9.211.982.577

3.331.796.094

- Chi phí khấu hao tài sản cố định

8.551.489.646

262.327.786

- Phân bổ lợi thế thương mại

4.937.765.878

2.065.454.909

-Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

-

(3.890.000.000)

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

26.050.927.305

3.741.794.686

Cộng**48.752.165.406****5.511.373.475****7. Thu nhập khác**

Chi tiết gồm:

- Chi phí khác

Quý 4 -2024**Quý 4-2023**

(1.887.304.740)

1.273.039.418

Cộng**(1.887.304.740)****1.273.039.418****8. Chi phí khác**

Chi tiết gồm:

- Chi phí khác

Quý 4 -2024**Quý 4-2023**

2.837.382

3.315.769

Cộng**2.837.382****3.315.769****9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ

Quý 4 -2024**Quý 4-2023**

(52.030.991.441)

528.615.131

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:

-

-

Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

(52.030.991.441)

528.615.131

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)

106.236.094

106.236.094

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | <u>Quý 4 -2024</u> | <u>Quý 4-2023</u> |
|--|------------------------|-----------------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (489) | 5 |
| 10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | |
| | <u>Quý 4 -2024</u> | <u>Quý 4-2023</u> |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | (52.030.991.441) | 528.615.131 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | (52.030.991.441) | 528.615.131 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP) | 106.236.094 | 106.236.094 |
| -Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành trả cổ tức(CP) | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | (489) | 5 |
| 11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | | |
| Chi tiết gồm: | <u>Quý 4-2024</u> | <u>Quý 4-2023</u> |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 214.406.656.613 | 24.676.106.090 |
| - Chi phí nhân công | 12.964.913.345 | 8.768.850.422 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13.266.325.697 | 12.706.896.903 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 24.455.255.502 | 3.012.283.934 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 4.937.765.878 | 2.065.454.909 |
| - Các chi phí bằng tiền khác | 23.968.466.533 | 469.140.302 |
| Cộng | 293.999.383.567 | 51.698.732.560 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tập đoàn không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thành viên chủ chốt**Mối quan hệ***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

| Thành viên chủ chốt | Nội dung nghiệp vụ | | |
|---------------------|--------------------|---------|-----------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| | | - | 0 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Tiền lương | Chức vụ | Quý 4-2024 | Quý 4-2023 |
|-------------------------|----------------|--------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Đình Trạch | Tổng Giám đốc | 45.000.000 | 45.000.000 |
| - Ông Chu Sỹ Hoạt | Phó Giám đốc | 29.970.000 | 32.970.000 |
| - Ông Phạm Tiến Dũng | Phó Giám đốc | 33.570.000 | 33.570.000 |
| - Bà Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | 30.000.000 | 43.500.000 |
| Cộng | | 138.540.000 | 155.040.000 |

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Tập đoàn.

2b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác
Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận | Công ty con (Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ) |
| Công ty CP đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long | Công ty liên kết thoái vốn (Công ty nắm giữ 0% vốn điều lệ) |
| Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông | Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 29% vốn điều lệ) |
| Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Chung cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen | Công ty con (Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ) |
| Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai | Công ty là cổ cổ đông lớn của Xây dựng ĐLGL |
| Chi nhánh Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Chi nhánh trực thuộc Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai |
| Công ty TNHH Mass Noble Investmemts Limited | Công ty con (Công ty nắm giữ 97,73% vốn điều lệ) |
| Ansen Electronics Company | Công ty TNHH Mass Noble Investmemts Limited là công ty chi phối hoạt động kinh doanh của Ansen Electronics Company |

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Quý 4 -2024 | Quý 4 -2023 |
|---|-------------------------------------|-----------------|----------------|
| - Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long | DLG Ninh Thuận cho vay | - | 87.100.000.000 |
| | DLG Ninh Thuận ghi nhận lãi cho vay | - | 11.089.660.274 |
| - Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Thuê ki ốt | 264.000.000 | 528.000.000 |
| | Thuê mái nhà | 60.000.000 | 60.000.000 |
| | Trả tiền nhận CN vốn góp | 242.250.000.000 | - |

Bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024 tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Quý 4 -2024 | Quý 4 -2023 |
|--|--------------------|---------------|-------------|
| - Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai | Cho thuê xe | 13.636.364 | 13.636.364 |
| - Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen | Tiền điện | 2.090.691.942 | 151.631.939 |

Hoạt động khác

Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư cuối năm các bên liên quan:

Xem tại các mục thuyết minh V.2, V.3, V.4, V.5, V.15, V.16, V.20, V.21.

3. Báo cáo bộ phận

| | Bán linh kiện điện tử | Dịch vụ bến bãi | Dịch vụ vận chuyển | Điện mặt trời | Cộng |
|---|-----------------------|----------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 266.337.534.905 | 3.363.539.669 | 962.073.610 | 35.111.441.213 | 305.774.589.397 |
| Giá vốn hàng bán | 223.440.357.795 | 1.522.609.104 | 133.175.258 | 15.499.812.308 | 240.595.954.465 |
| Lợi nhuận gộp | 42.897.177.110 | 1.840.930.565 | 828.898.352 | 19.611.628.905 | 65.178.634.932 |
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 31.179.437.203 | 3.071.462.634 | 50.406.364 | 34.178.438.346 | 68.479.744.547 |
| Giá vốn hàng bán | 26.850.470.974 | 762.288.620 | 105.335.556 | 14.263.459.278 | 41.981.554.428 |
| Lợi nhuận gộp | 4.328.966.229 | 2.309.174.014 | (54.929.192) | 19.914.979.068 | 26.498.190.119 |

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. So liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Riêng Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ số liệu so sánh là 31 tháng 12 năm 2023

Tp. Thủ Đức, ngày 26 tháng 01 năm 2025.

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám đốc

**NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**